

THÔNG BÁO

Về cấp độ dịch của tỉnh Đồng Nai đến ngày 21/10/2021 theo Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ và Quyết định số 4800/QĐ-BYT ngày 12/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế

Căn cứ Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ về việc ban hành Quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19” và Quyết định số 4800/QĐ-BYT ngày 12 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn tạm thời về chuyên môn y tế thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ ban hành Quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”;

Qua xem xét Báo cáo số 689/BC-KSBT ngày 21/10/2021 của Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai về việc đánh giá phân loại cấp độ dịch theo Nghị quyết số 128/NQ-CP trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến ngày 21/10/2021,

Sở Y tế tỉnh Đồng Nai thông báo cấp độ dịch theo quy mô các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến ngày 21/10/2021, cụ thể như sau:

STT	Quy mô đánh giá	Phân loại cấp độ dịch
1	Cấp tỉnh: Tỉnh Đồng Nai	- Cấp 2 (Nguy cơ trung bình)
2	Cấp huyện: 11 huyện, thành phố	- Cấp 1: 02 huyện, thành phố - Cấp 2: 09 huyện, thành phố - Cấp 3, 4: Không ghi nhận
3	Cấp xã: 170 xã, phường, thị trấn	- Cấp 1: 125 xã, phường, thị trấn - Cấp 2: 42 xã, phường, thị trấn - Cấp 3: 03 xã, phường, thị trấn - Cấp 4: Không ghi nhận

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Sở Y tế tỉnh Đồng Nai trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- UBND tỉnh;
- Sở Y tế các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- BGĐ SYT (để báo cáo);
- Báo Đồng Nai, Đài PTTH Đồng Nai;
- UBND các huyện, TP;
- Các đơn vị trực thuộc SYT;
- Website SYT;
- Lưu: VT, NV.

GIÁM ĐỐC



Phan Huy Anh Vũ

Phụ lục: BẢNG PHÂN LOẠI CẤP ĐỘ DỊCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI
(Đính kèm Thông báo số 8883 /TB-SYT ngày 22/10/2021 của Sở Y tế tỉnh Đồng Nai)

STT	Địa phương	Phân loại cấp độ dịch			
		Cấp 1 (Vùng xanh)	Cấp 2 (Vùng vàng)	Cấp 3 (Vùng cam)	Cấp 4 (Vùng đỏ)
I. THÀNH PHỐ BIÊN HÒA			X		
1	An Bình	X			
2	An Hoà	X			
3	Bình Đa	X			
4	Bửu Hòa	X			
5	Bửu Long		X		
6	Hiệp Hòa		X		
7	Hố Nai		X		
8	Hóa An	X			
9	Hòa Bình	X			
10	Long Bình	X			
11	Long Bình Tân	X			
12	Long Hưng		X		
13	Phước Tân	X			
14	Quang Vinh		X		
15	Quyết Thắng	X			
16	Tam Hiệp		X		
17	Tam Hoà		X		
18	Tam Phước		X		
19	Tân Biên	X			
20	Tân Hạnh	X			
21	Tân Hiệp	X			
22	Tân Hòa		X		
23	Tân Mai	X			
24	Tân Phong	X			
25	Tân Tiến	X			
26	Tân Vạn	X			
27	Thanh Bình	X			
28	Thống Nhất	X			
29	Trảng Dài	X			
30	Trung Dũng	X			
II. HUYỆN TRẢNG BOM			X		
1	An Viễn	X			
2	Bàu Hàm	X			
3	Bình Minh	X			
4	Bắc Sơn	X			
5	Cây Gáo	X			
6	Giang Điền	X			
7	Hưng Thịnh	X			



STT	Địa phương	Phân loại cấp độ dịch			
		Cấp 1 (Vùng xanh)	Cấp 2 (Vùng vàng)	Cấp 3 (Vùng cam)	Cấp 4 (Vùng đỏ)
8	Hố Nai 3		x		
9	Quảng Tiến	x			
10	Sông Thao	x			
11	Sông Trầu	x			
12	Thanh Bình	x			
13	TT Trảng Bom		x		
14	Trung Hòa	x			
15	Tây Hòa	x			
16	Đông Hòa	x			
17	Đôi 61	x			
III	HUYỆN VĨNH CỬU		x		
1	Bình Hòa	x			
2	Bình Lợi	x			
3	Tân An	x			
4	Trị An		x		
5	Vĩnh Tân		x		
6	Vĩnh An		x		
7	Mã Đà	x			
8	Hiếu Liêm	x			
9	Phú Lý		x		
10	Tân Bình		x		
11	Thạnh Phú		x		
12	Thiện Tân		x		
IV	THÀNH PHỐ LONG KHÁNH	x			
1	Xuân Trung	x			
2	Xuân An	x			
3	Xuân Thanh	x			
4	Xuân Hòa	x			
5	Xuân Bình	x			
6	Phú Bình	x			
7	Bàu Trâm	x			
8	Xuân Tân	x			
9	Hàng Gòn		x		
10	Bàu Sen	x			
11	Suối Tre	x			
12	Xuân Lập	x			
13	Bình Lộc	x			
14	Bảo Vinh	x			
15	Bảo Quang	x			
V	HUYỆN XUÂN LỘC	x			
1	TT Gia Ray	x			
2	Xuân Hiệp	x			
3	Xuân Hòa	x			
4	Xuân Thành	x			

STT	Địa phương	Phân loại cấp độ dịch			
		Cấp 1 (Vùng xanh)	Cấp 2 (Vùng vàng)	Cấp 3 (Vùng cam)	Cấp 4 (Vùng đỏ)
5	Suối Cát	x			
6	Xuân Hưng	x			
7	Xuân Tâm	x			
8	Bảo Hòa	x			
9	Xuân Phú	x			
10	Xuân Trường	x			
11	Xuân Thọ	x			
12	Xuân Bắc	x			
13	Suối Cao	x			
14	Lang Minh	x			
15	Xuân Định	x			
VI. HUYỆN CẨM MỸ			x		
1	Thị trấn Long Giao	x			
2	Xã Bảo Bình	x			
3	Xã Lâm San	x			
4	Xã Nhân Nghĩa		x		
5	Xã Sông Nhạn	x			
6	Xã Sông Ray	x			
7	Xã Thừa Đức	x			
8	Xã Xuân Bảo	x			
9	Xã Xuân Đông	x			
10	Xã Xuân Đường	x			
11	Xã Xuân Mỹ	x			
12	Xã Xuân Quế	x			
13	Xã Xuân Tây		x		
VII. HUYỆN LONG THÀNH			x		
1	An Phước	x			
2	Tam An	x			
3	Long Đức	x			
4	Thị trấn Long Thành	x			
5	Lộc An		x		
6	Bình Sơn	x			
7	Bình An	x			
8	Cẩm Đường	x			
9	Long An		x		
10	Long Phước		x		
11	Bàu Cạn	x			
12	Tân Hiệp	x			
13	Phước Thái	x			
14	Phước Bình	x			
VIII. HUYỆN NHƠN TRẠCH			x		
1	Hiệp Phước			x	
2	Phước Thiên		x		
3	Phú Hội	x			



STT	Địa phương	Phân loại cấp độ dịch			
		Cấp 1 (Vùng xanh)	Cấp 2 (Vùng vàng)	Cấp 3 (Vùng cam)	Cấp 4 (Vùng đỏ)
4	Long Tân	x			
5	Phú Thạnh	x			
6	Đại Phước	x			
7	Phú Hữu	x			
8	Phú Đông	x			
9	Vĩnh Thanh	x			
10	Phước Khánh	x			
11	Phước An	x			
12	Long Thọ	x			
IX.	HUYỆN TÂN PHÚ		x		
1	TT. Tân Phú	x			
2	Phú Thạnh	x			
3	Phú Xuân	x			
4	Phú Lâm			x	
5	Thanh Sơn	x			
6	Phú Bình	x			
7	Phú Trung			x	
8	Phú Sơn	x			
9	Phú Điền		x		
10	Trà Cổ	x			
11	Phú Lộc	x			
12	Phú Thịnh	x			
13	Phú Lập	x			
14	Tà Lài	x			
15	Núi Tượng	x			
16	Nam Cát Tiên	x			
17	Phú An	x			
18	Đắc Lua	x			
X	HUYỆN ĐỊNH QUÁN		x		
1	La Ngà		x		
2	Phú Ngọc		x		
3	Phú Tân	x			
4	Phú Hòa	x			
5	Phú Vinh	x			
6	Phú Lợi		x		
7	Gia Canh		x		
8	TT Định Quán		x		
9	Ngọc Đình	x			
10	Thanh Sơn	x			
11	Túc Trung		x		
12	Phú Túc		x		
13	Phú Cường		x		
14	Suối Nho		x		
XI	HUYỆN THỐNG NHẤT		x		

STT	Địa phương	Phân loại cấp độ dịch			
		Cấp 1 (Vùng xanh)	Cấp 2 (Vùng vàng)	Cấp 3 (Vùng cam)	Cấp 4 (Vùng đỏ)
1	Gia Tân 1	x			
2	Gia Tân 2		x		
3	Quang Trung		x		
4	Bàu Hàm 2		x		
5	Hung Lộc		x		
6	Lộ 25		x		
7	Gia Tân 3	x			
8	Xuân Thiện	x			
9	Gia Kiệm		x		
10	TT Dầu Giấy		x		

